

TÌM HIỂU TỔ CHỨC GIÁP CỦA LÀNG ĐÔNG NGẠC (XÃ ĐÔNG NGẠC, HUYỆN TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Võ Thị Phương Thúy*

Việc nghiên cứu về làng xã cổ truyền người Việt từ lâu đã được nhiều nhà khoa học chú ý, qua đó giáp cũng được nhắc đến như một tổ chức đặc thù, đóng một vai trò quan trọng trong đời sống làng xã.

Một trong những nhà nghiên cứu sâu sắc về giáp đầu tiên phải kể đến là tác giả Trần Tử với tác phẩm *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*¹. Trong công trình này, Trần Tử đã xem giáp là một loại hình tổ chức của làng xã tập hợp người theo lớp tuổi, bên cạnh các hình thức tập hợp người theo địa vực - ngõ, xóm; tập hợp người theo huyết thống - họ... Theo tác giả, “tổ chức giáp đề ra một loại quan hệ đặc biệt giữa người và người: quan hệ tuổi tác”², được vận hành và sử dụng như một “chiếc cầu nối” giữa chính quyền với các tổ chức “phi chính quyền”.

Tác giả Diệp Đình Hoa cũng góp thêm vào những nghiên cứu về giáp một góc nhìn khác: *Giáp - tổ chức xã hội của giới nam của người Việt ở Đồng bằng Bắc Bộ*. Từ cách tiếp cận dân tộc học, tác giả đã cho ta một cái nhìn khá đa chiều về giáp, theo tác giả “giáp, bản thân là hệ thống mở, mang tính đa dạng, đa phương, đa diện”³.

Ngoài ra còn phải kể đến một số nghiên cứu về giáp nằm rải rác trong các cuốn sách, tạp chí và thông báo khoa học. Trong đó đáng chú ý là các nghiên cứu của: Bùi Thiết⁴, Bùi Xuân Đỉnh⁵, Nguyễn Duy Hình⁶, Nguyễn Hải Kế⁷, Nguyễn Xuân Diện⁸, Vũ Duy Mên⁹, ...

Giáp là thuật ngữ gốc Hán du nhập từ Trung Quốc vào nước ta với sự kiện Khúc Hạo đổi hương thành giáp. Theo *An Nam chí*, “Giữa niên hiệu Khai Bình (907 - 910) nhà Lương Tiết độ Khúc Hạo lại đổi hương thành giáp, cộng với số đã có từ trước tất cả là 314 giáp”¹⁰. Sách *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* cũng ghi: “Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La thành, tự xưng là Tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu và xã ở các xứ, đặt ra Chánh lệnh trưởng và các Tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch, lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán, giao cho Giáp trưởng trông coi”¹¹.

Tuy nhiên, tác giả Diệp Đình Hoa lại cho rằng, trước khi Khúc Hạo đổi hương thành giáp, đã tồn tại một tổ chức của nam giới mang sức sống bản địa mãnh liệt của cộng đồng người Việt. Và việc Khúc Hạo đổi hương thành giáp chỉ là thời điểm “cơ cấu tổ chức giới nam từ hình thức tương trợ, hình thức giới đi vào lĩnh vực chính trị”¹². Nhận định này được tác giả lập luận trên những cứ liệu truyền thuyết, dòng họ, tộc người.

*Viện Sử học, Viện KHXH Việt Nam

Nguyễn Duy Hinh khi nghiên cứu về “*kinh tế xã hội trước Lý*”¹³ cũng đưa ra những nhận định đáng lưu tâm về nguồn gốc và sự phát triển của giáp ở Trung Quốc. Năm 1070, Vương An Thạch đặt ra chế độ “Bảo giáp pháp”, theo đó 10 nhà làm 1 bảo, 50 nhà làm 1 đại bảo, 10 đại bảo làm một đô bảo. Và cho đến 1381, giáp vẫn có chức năng là tổ chức dân binh. Từ 1381, nhà Minh quy định: 110 hộ thành 1 lý, 100 hộ chia làm 10 giáp, Lý trưởng là giáp thủ quản lý mọi việc trong lý. Đến đây giáp mới xuất hiện với tư cách là đơn vị cơ sở xã hội.

Nhưng đó là giáp của Trung Quốc. Ở Việt Nam, giáp xem ra có "cuộc sống" phức tạp hơn nhiều!

Nhìn chung, những nghiên cứu về giáp tới nay tuy không ít, nhưng mỗi tác giả lại có những *cách nhìn* và *cái nhìn* khác nhau về giáp. Điều này có lẽ một phần bởi tài liệu về giáp đến nay còn lại không nhiều. Mỗi nhà nghiên cứu lại dựa trên những nguồn tư liệu và cách tiếp cận khác nhau. Do đó đến nay vẫn chưa có được một cái nhìn thống nhất, toàn diện về giáp. Khi nhìn nhận về giáp, chúng ta vẫn chỉ như những “thầy bói xem voi” mà thôi!

Theo chúng tôi, trước khi tìm được câu trả lời cuối cùng về giáp, nên chăng cần có sự phân biệt hai hình thức tồn tại của khái niệm giáp: giáp với vai trò là một đơn vị hành chính và giáp với vai trò là một loại hình tổ chức xã hội. Cho đến nay, mối liên hệ giữa giáp - đơn vị hành chính và giáp - tổ chức xã hội (nếu có) vẫn còn rất mơ hồ. Nhiều tác giả cho rằng hai loại hình này đã từng có mối liên hệ nhất định. Có không ít ý kiến cho rằng, vì giáp - đơn vị hành chính xuất hiện từ thời Khúc Hạo (mà ở thời kỳ này vẫn chưa thấy bóng dáng của giáp - tổ chức xã hội trong các nguồn tài liệu) nên cho rằng giáp - tổ chức xã hội chính là một biến thể của giáp - đơn vị hành chính. Hoặc có ý kiến lại cho rằng, trước khi giáp - đơn vị hành chính theo kiểu Trung Quốc xuất hiện ở nước ta qua cải cách của Khúc Hạo (907 - 910) thì giáp - tổ chức xã hội đã xuất hiện trong làng Việt cổ truyền với hình thức sơ khai của nó, dù lúc này nó chưa có tên gọi là giáp. Và khi bắt đầu có tên gọi giáp nghĩa là tổ chức đó đi từ lĩnh vực giới sang lĩnh vực chính trị¹⁴. Tất cả những ý kiến trên đều có những lý lẽ riêng nhưng trên thực tế, đó vẫn chỉ là những suy đoán. Chưa có chứng cứ xác thực nào chứng tỏ giáp - đơn vị hành chính và giáp - tổ chức xã hội đã từng có mối liên quan với nhau. Trước khi tìm ra được mối liên quan giữa giáp - đơn vị hành chính và giáp - tổ chức xã hội, nên chăng hãy xem chúng như hai đối tượng nghiên cứu riêng biệt nhằm tránh khỏi những rối rắm khi nghiên cứu về một vấn đề vốn dĩ đã phức tạp.

Giáp - đơn vị hành chính xuất hiện lần đầu tiên trong cải cách của Khúc Hạo (907 - 910). Và cho đến tận những năm đầu thế kỷ XIX, vai trò là một đơn vị tổ chức hành chính của giáp vẫn còn được chính sử chép lại. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: năm 1828 “đem đất Tiền Châu cùng đất đổi ngân bên tả bên hữu đo đạc đất hoang chia cấp cho dân nghèo thành 14 lý, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp”¹⁵ và “Xin biệt lập làm 1 tổng thuộc huyện Nam Chân, được 5 ấp, 2 trại, 3 giáp ở tổng Hoàn Nha”¹⁶. Năm 1829 lại ghi: “Bắt đầu đặt huyện Kim Sơn (...) lập thành 3 làng, 22 ấp, 24 trại và 4 giáp”¹⁷. Những sự kiện này được ghi khi Nguyễn Công Trứ khai phá các vùng đất ven biển, chiêu dân

lập làng. Ở đây, đơn vị hành chính giáp là cấp nhỏ hơn trại. Như vậy là từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX giáp có vai trò là đơn vị hành chính vẫn luôn tồn tại.

Theo cuốn *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra (Các tổng trấn xã danh bị lãm)*¹⁸ thì có tới 18 đơn vị hành chính mang tên giáp, trong đó có 16 đơn vị tương đương cấp thôn, 1 đơn vị tương đương cấp xã và 1 đơn vị tương đương cấp phường, ví dụ như: giáp An Bài (thuộc tổng An Ấp, huyện Hương Sơn, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An), giáp Bạch Xá (tổng Vũ Liệt, huyện Thanh Chương, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An),... Như vậy, dù khi tương đương cấp thôn, khi tương đương cấp xã, hay cấp phường... thì giáp với tư cách là một đơn vị hành chính vẫn tồn tại ở nước ta từ thế kỷ X cho đến đầu thế kỷ XIX.

Song song với hình thức trên, giáp vẫn tồn tại như một tổ chức xã hội trong làng xã người Việt. Sự tồn tại này được minh chứng bằng rất nhiều văn bản Hán Nôm như: hương ước, khoán ước, văn bia... Trong đó, giáp - tổ chức xã hội được nhắc đến với cơ cấu tổ chức, hoạt động và chức năng khá cụ thể.

Về thời điểm xuất hiện của giáp - tổ chức xã hội, hiện nay tài liệu căn cứ là bài thơ *Đại nghĩa bát giáp thương đào giải văn* của tác giả Lê Đức Mao, người làng Đông Ngạc (Từ Liêm, Hà Nội) làm vào trước năm 1504¹⁹. Tài liệu quý giá này đã cho biết *giáp - tổ chức xã hội* đã xuất hiện chỉ ít là từ khoảng cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI. Sự tồn tại, phát triển và tan rã của giáp từ đó cho đến những thế kỷ sau này vẫn được minh chứng rai rác qua các tài liệu. Theo đó, *giáp - tổ chức xã hội* có mặt trong các tiết lễ của làng, tham gia các công việc "quan hôn tang tế" của các thành viên, nhiều khi còn đảm nhiệm việc thu thuế cho nhà nước... Cho đến trước khi tan rã (sau Cách mạng tháng Tám), giáp vẫn còn là một loại hình tổ chức xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của nhiều làng quê Đồng bằng Bắc bộ.

Giáp với vai trò là một tổ chức xã hội từ trước tới nay vẫn được quan tâm nghiên cứu và nhận được nhiều đánh giá, kiến giải từ nhiều góc độ khác nhau. Ở bài viết này, người viết chọn cách tiếp cận với giáp từ một trường hợp cụ thể: nghiên cứu về giáp của làng Đông Ngạc (xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Bằng cách tiếp cận này cùng với nguồn tài liệu phong phú của làng Đông Ngạc, chúng tôi mong muốn phác họa được "bức chân dung giáp" ở Đông Ngạc - một đại diện tiêu biểu cho loại hình giáp - tổ chức xã hội - một cách cụ thể và tương đối hoàn chỉnh.

Làng Đông Ngạc (tên Nôm là làng Vẽ) nay thuộc xã Đông Ngạc²⁰, huyện Từ Liêm, cách trung tâm Hà Nội khoảng 10km về phía Tây Bắc. Làng phía Đông giáp Liên Ngạc (Bãi Hoa) và Nhật Tảo (Nhà Kiếu), phía Đông Nam giáp làng Cáo Đình (làng Giàn), phía Tây giáp làng Thụy Phương (làng Chèm), phía Nam giáp làng Cổ Nhuế (làng Noi), phía Bắc giáp sông Hồng. Đông Ngạc có một vị trí đặc địa về phong thủy, thuận lợi về giao thương. Bởi thế, từ nhiều đời nay, làng này nổi tiếng là một làng có truyền thống khoa bảng và thịnh vượng về kinh tế.

Đông Ngạc vốn là một làng khoa bảng nức tiếng với nhiều người học hành, đỗ đạt. Theo thống kê²¹, trong thời kỳ Nho học làng có tới 23 người đỗ Đại khoa và Sĩ vọng, triều Lê có 62 người đỗ Hương cống, 55 người đỗ Sinh đồ (Tú tài, chỉ kể những

TÌM HIỂU TỔ CHỨC GIÁP CỦA LÀNG ĐÔNG NGẠC...

vị có chức vị), triều Nguyễn có 38 người đỗ Hương cống (Cử nhân), 100 người đỗ Tú tài. Từ năm 1954 đến 1994 làng có 45 người có học vị từ Thạc sĩ trở lên.

Hiện nay, Đông Ngạc còn lưu giữ được nhiều nguồn tài liệu Hán Nôm quý như: bi ký, gia phả, điền bạ, hương ước, sắc phong, thần tích... Nguồn tài liệu này vừa cho thấy truyền thống văn hiến của một làng khoa bảng, vừa là tư liệu quý giá giúp tìm hiểu nhiều mặt về Đông Ngạc và về các làng Việt cổ truyền.

Hệ thống tổ chức chính trị, xã hội của làng Đông Ngạc cũng như của hầu hết các làng Việt cổ truyền khác ở đồng bằng Bắc bộ là một cơ cấu chông chéo và hết sức phức tạp. Song nhìn một cách tổng quan nhất, có thể hiểu cơ cấu này bao gồm hai phần: các tổ chức nằm dưới sự quản lý trực tiếp của chính quyền trung ương và các tổ chức mang tính chất tự quản của dân cư. Tổ chức giáp ở Đông Ngạc là một loại hình tổ chức của dân cư nhưng mang tính chất khá đặc biệt. Nó chủ yếu là do người dân tự đứng ra tổ chức, quản lý song nhiều khi lại thực hiện chức năng của chính quyền như thu thuế. Dưới đây, chúng tôi xin đưa ra những phác họa ban đầu về giáp ở làng Đông Ngạc.

1. Sự xuất hiện

Hiện nay làng Đông Ngạc đang lưu giữ một tài liệu quý là bài thơ *Đại nghĩa bát giáp thường đào giải văn* (ĐNBGTĐGV) của Lê Đức Mao - một người đỗ đạt của làng - làm trước năm 1504. Bản chữ Hán Nôm bài thơ này được chép trong *Lê tộc gia phả*²² và *Thần tích xã Nhật Tảo*²³. Bài thơ này là nguồn tài liệu có niên đại sớm nhất cho thấy sự xuất hiện của tổ chức giáp ở làng Đông Ngạc nói riêng và của *giáp - tổ chức xã hội* ở Việt Nam nói chung.

Về Lê Đức Mao, Lê tộc gia phả có chép khá rõ. Ông húy Tín, tự Đức Mao, thụy Phúc Lạc Phủ Quân, sinh năm 1462 mất năm 1529. Ông là tổ đời thứ 9 của họ Lê ở Đông Ngạc, vốn thông minh, học vấn sâu rộng, giỏi về thơ văn. Trong làng có việc gì ông thường có thơ ngụ ý châm biếm. Vì bị Xã chánh bức mà ông phải rời Đông Ngạc đến nhập tịch ở xã Dưỡng Hối, huyện Yên Lãng, phủ Tam Đái, trấn Sơn Tây nay thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm Đoan Khánh thứ nhất (1505) ông thi đỗ Đồng Tiến sĩ. Sau đó, ông cho mời cha mẹ đến xã Dưỡng Hối để chăm sóc và không về sống ở Đông Ngạc nữa. Lê Đức Mao làm quan đến Tự Khanh, sau về trí sĩ, mở lớp dạy dỗ, học trò nhiều người thành đạt.

Về mặt niên đại, tác giả Hoàng Xuân Hãn khi giới thiệu về Lê Đức Mao và bài ĐNBGTĐGV đã cho biết: “Bài hát này làm khi ông còn ở Đông Ngạc, nghĩa là trước năm 1504”²⁴. *Lê tộc gia phả* còn ghi ngay dưới nhan đề bài thơ này: “*Công vị ly hương thời sở tác*” ông sáng tác lúc chưa ly hương. Nghĩa là bài thơ này được sáng tác trước khi ông rời Đông Ngạc để đến nhập tịch xã Dưỡng Hối và trước khi ông thi đỗ Tiến sĩ năm 1505.

Bài ĐNBGTĐGV có giá trị về nhiều mặt. Theo phân tích của tác giả Nguyễn Xuân Diện²⁵ thì bài thơ là một tư liệu về sự xuất hiện của ngôi đình làng, nó cho ta biết đình làng Đông Ngạc được nhắc đến trong bài thơ là ngôi đình cổ nhất hiện được biết; đây là “bài thơ cổ nhất hiện còn trong đó có hai chữ ca trù lần đầu tiên có mặt trong

văn học viết”; “đây là bài lục bát / song thất lục bát cổ nhất trong văn học viết Việt Nam hiện biết”; bài thơ còn cung cấp “cứ liệu sớm nhất về thơ lục bát (và song thất lục bát) chữ Hán trong dòng văn học viết của dân tộc”. Ở đây ta cần chú ý đến giá trị của bài thơ khi nó cung cấp những cứ liệu quan trọng về tổ chức giáp của làng Đông Ngạc.

Trước hết, niên đại bài thơ cho biết giáp ở Đông Ngạc phải ra đời từ trước năm 1505. Bài thơ được tác giả Lê Đức Mao làm hộ cho tám giáp trong làng để thưởng cho cô đào được giải. Điều này cho thấy, đến thời điểm bài thơ ra đời, giáp của làng đã được tổ chức khá chặt chẽ: đã có 8 giáp tham gia vào lễ hát ca trù trong lễ thờ thần ở đình; 8 giáp ấy đã có lệ làm thơ thưởng cho cô đào được giải và những bài thơ này được làm theo lệ lối khá chặt chẽ; giáp có vị trí khá quan trọng trong lễ thờ thần ở đình.

Như vậy, bài thơ ĐNBGTĐGV của Lê Đức Mao cho chúng ta biết, vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI giáp ở làng Đông Ngạc đã là một tổ chức xã hội khá chặt chẽ và có vai trò khá quan trọng trong đời sống làng.

2. Quá trình phát triển

Về quá trình phát triển của tổ chức giáp ở Đông Ngạc qua những tư liệu mà chúng tôi hiện có khá đứt đoạn. Hiện chưa tìm được tài liệu nào cho biết thông tin về tổ chức giáp ở Đông Ngạc trong suốt hai thế kỷ XVI và XVII. Những tài liệu hiện có về giáp tập trung chủ yếu từ đời hậu Lê đến đầu Nguyễn (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX).

Khi bản *Khoán ước làng Đông Ngạc chủ ý cải lương* được lập năm 1937 vai trò của tổ chức giáp cũng được nhắc tới trong một số hoạt động của làng như các lễ tiết, lệ nhập tịch... Tuy nhiên, văn bản này cũng cho thấy, vào thời điểm đó vai trò của giáp đã phần nào mờ nhạt dần so với giáp của thế kỷ XVIII được nhắc đến trong bản *Đông Ngạc xã điều lệ*. Những quy định về vai trò của giáp trong các tiết lễ ở đình chỉ được bản *khoán ước* này nhắc đến một cách chung chung, qua loa, trong khi bản *tục lệ* quy định về nhiệm vụ của giáp rất tỉ mỉ. Ví dụ, ở lễ giỗ quan Hậu thần, bản *Đông Ngạc xã điều lệ* ghi: Lễ giỗ quan Hậu thần ngày 20 (tháng Giêng). Làm thịt 1 con bê, vàng mã, đèn nhang, com xôi, thịt, trầu cau, rượu (8 giáp đăng cai nhận ruộng, tiền của ruộng Hậu Thần là 1 quan tiền cổ giao cho các bàn Tứ, Nhất, Nhị mua sắm lễ vật đưa đến giáp đăng cai chính). Giáp đăng cai chính thu nhận làm 8 mâm xôi (gạo tuần mỗi mâm 10 bát thu 8 giáp đăng cai). Còn giáp Đồ tế lấy 1 chân giò làm 1 mâm cỗ cúng quan Hậu Thần. Tế xong thì đầu bê biếu trưởng quan, thịt vai biếu giáp Nhạc, xương vai biếu giáp Đồ tế. Còn mâm cỗ đồ tế thì thêm mâm cỗ cúng, đem chia đều làm cỗ biếu. Quan châu trưởng và các quan ở hàng 3, hội văn, giáp Đồ tế thì sai người đưa đi biếu ở các di tích. Còn 3 chân bê thì chia đều cho các giáp, cỗ cúng Hậu Thần thì kính biếu bản tộc. Trong khi đó, *Khoán ước làng Đông Ngạc chủ ý cải lương* chỉ ghi: Các tuần tế quan Phúc thần, Hậu thần đã có tiền của tư giáp không phải lấy ở quỹ.

2.1 Về tên gọi và các loại hình giáp

Giáp ở Đông Ngạc được nhắc đến lần đầu tiên trong bài thơ ĐNBGTĐGV làm trước năm 1504 nhưng không thấy nhắc đến tên gọi cụ thể của 8 giáp đó.

Tám giáp của làng Đông Ngạc với tên gọi cụ thể xuất hiện trong bản *Đông Ngạc xã điều lệ* theo thứ tự là: Ngạc Nhất, Ngạc Nhị, Đông Nhất, Đông Nhị, Hoà Nhất, Hoà Nhị, Đoài Nhất, Đoài Nhị.

Tên gọi của 8 giáp này xuất hiện tiếp tục trong các tài liệu mà chúng tôi có được ở các thời kỳ sau đó như: Bia nhà thờ Đỗ Thế Giai lập năm 1782, bản *Khoán ước cải lương* của làng lập năm 1937... Theo chúng tôi, tên gọi của 8 giáp này có thể có từ đầu thế kỷ XVI và được duy trì cho đến khi tổ chức giáp tan rã trước năm 1945. Mặc dù vẫn giữ nguyên tên gọi nhưng chức năng và nhiệm vụ của 8 giáp này qua từng thời kỳ có sự khác nhau. Chúng tôi sẽ phân tích kỹ vấn đề này ở phần sau.

Qua cách gọi tên 8 giáp ở làng Đông Ngạc, chúng ta có thể thấy rằng, đây là cách gọi tên giáp theo ngõ xóm kết hợp với số thứ tự. Rất có thể, ban đầu chỉ có 4 giáp với tên gọi theo ngõ xóm: Đông, Đoài, Ngạc, Hoà. Nhưng sau này do sự phát triển của đời sống dân cư, số thành viên giáp và nhiệm vụ của giáp ngày càng nhiều nên 4 giáp này tách ra thành 8 giáp như chúng ta biết.

Ngoài tên gọi của 8 giáp trên, ở Đông Ngạc chúng tôi còn thấy xuất hiện các tên gọi giáp khác như sau: giáp Nhạc, giáp Đồ tể, giáp Tuần đình, giáp Văn hội.

- Giáp Nhạc

71 lần giáp được nhắc đến trong các tài liệu thì có tới 27 lần có tên giáp Nhạc; trong 37 tiết lễ của làng mà chúng tôi thống kê được thì có tới 25 tiết lễ có sự xuất hiện của giáp Nhạc. Như vậy có thể thấy, giáp Nhạc đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các tiết lễ của làng.

Những lần giáp Nhạc được nhắc đến trong các văn bản mà chúng tôi có được như: *Đông Ngạc xã điều lệ*, *Khoán ước làng Đông Ngạc chủ ý cải lương*... thì chỉ thấy giáp Nhạc xuất hiện trong các dịp tổ chức tế lễ và trong lệ tang ma của làng. Không thấy nhắc đến giáp Nhạc trong các quy định về sinh hoạt ngày thường khác của làng. Như vậy có thể giáp Nhạc là một loại giáp chức năng của làng chỉ xuất hiện khi làng có tế lễ và trong lệ tang ma.

Có một điều đáng lưu ý là, nếu theo tên gọi là giáp Nhạc ta sẽ nghĩ ngay rằng, giáp này chịu trách nhiệm chính trong việc tấu nhạc trong tiết lễ của làng, hay có thể hiểu giáp Nhạc có vai trò như phường bát âm của làng. Tuy nhiên, trong tất cả những lần nhắc đến giáp của các bản tục lệ, khoán ước của làng, chỉ duy nhất một lần chúng tôi thấy giáp Nhạc được nhắc đến với vai trò đánh trống hiệu để mọi người làm lễ trong lệ cúng giỗ ở chùa! Phải chăng nhiệm vụ tấu nhạc của giáp đã là tất yếu nên làng không cần phải quy định thêm trong tục lệ, khoán ước nữa? Hay giáp Nhạc chỉ là tên gọi để chỉ một loại giáp chuyên thực thi việc tế lễ của làng?

- Giáp Đồ tể

Chỉ thấy 4 lần giáp Đồ tể được nhắc đến trong tổng số 71 lần nhắc đến giáp trong các tài liệu. Giáp Đồ tể cũng chỉ thấy được nhắc đến trong 4 tiết lễ của làng, đó là: lễ giỗ quan Hậu thần ngày 20 tháng Giêng, lệ tế Xuân, lệ cầu an vào ngày 15 tháng 4, lễ Thường tân tháng 8.

Nhiệm vụ của giáp Đồ tể trong những lần được nhắc đến này chủ yếu là việc sửa soạn cỗ.

Cũng cần lưu ý rằng, nếu theo tên gọi thì ta đều nghĩ rằng nhiệm vụ chính của giáp Đồ tể là lo việc giết mổ trâu, bò, lợn, gà... trong các tiết lễ của làng. Tuy nhiên, cả 4 lần giáp Đồ tể xuất hiện trong bản tục lệ, khoán ước của làng thì không thấy lần nào quy định nhiệm vụ của giáp Đồ tể liên quan đến việc giết mổ.

Chúng tôi cũng thấy rằng, trong một số tiết lễ thì làng lại quy định việc giết mổ cho các giáp đấng cai (ở các tiết lễ này không thấy sự xuất hiện của giáp Đồ tể). Ví dụ như ở lễ Thượng điền quy định mỗi giáp thịt 1 con lợn và soạn cỗ gồm 1 thủ lợn, chả, xôi...; còn lễ Hạ điền thì chia đều lợn cho 8 giáp, mỗi giáp làm 3 mâm cỗ; đêm mồng 10 vào hội làm lễ nghênh rước, bàn Nhị chịu trách nhiệm mổ lợn.

- Giáp Tuần đình

Chỉ thấy có 1 lần giáp Tuần đình được nhắc đến trong các văn bản. Bản *Khoán ước của làng Đông Ngạc chủ ý cải lương* đã dành hẳn một phần quy định về việc canh phòng. Theo đó, “hết thầy người phụ tịch trong làng từ 18 đến 40 tuổi phải chịu trách nhiệm ra tuần. (...) Mỗi người chỉ phải đi tuần một lượt 1 năm thôi, (...), số tuần nhất định là 10 người”,²⁶ trong 10 người ấy cử ra 1 người làm Trương tuần. Như vậy, việc đi tuần, trông nom làng xóm trong những ngày thường đã có người đảm nhiệm. Có lẽ giáp Tuần đình chỉ xuất hiện khi làng có lễ lớn và trông nom đình trong những ngày lễ.

- Giáp Văn hội

Có 2 lần giáp Văn hội được nhắc đến trong các quy định của làng. Đó là vào lễ giỗ Thần ngày 11: “Theo lệ, giáp Văn hội ngồi ở hàng Hương lão”, và phải chuẩn bị 3 cỗ để cúng Thần; và vào ngày lễ Tiên hiền ở Văn chỉ ngày 23 tháng 2, giáp Văn hội chi tiền để làm lễ.

Giáp Tư văn được nhắc đến 1 lần trong quy định của làng trong lễ rước xa giá Thần: “Khi rước đến đình cũ, hàng Tam cùng giáp Tư văn làm lễ gồm 1 con lợn, 1 cỗ xôi và vàng mã, trầu cau, com rượu. Lễ xong, hàng Tam cùng giáp Tư văn và bàn Nhị đứng châu”.

Ngoài ra, tên gọi giáp Hội văn được nhắc đến 3 lần trong các quy định của làng. Trong lệ chia cỗ sau lễ của làng có quy định: “Đồng trà lấy cỗ của 8 giáp biểu trưng quan 2 cỗ (...) giáp Hội văn (đệ tử) cũng đều 1 cỗ”. Giáp Hội văn ở đây được chú thích thêm là đệ tử. Tuy nhiên, với chú thích ít ỏi, ngắn gọn như vậy chúng tôi cũng chưa thể khẳng định được giáp Hội văn thực chất có nhiệm vụ gì?

Trong bia trùng tu của đình làng Đông Ngạc năm 1782, ở mục đóng góp còn thấy ghi tên Văn hội giáp đóng 10 quan.

Ngoài ra, giáp Hội văn còn được nhắc đến thêm 2 lần nữa trong *lệ đứng châu ở hai bàn chính*: Nếu người nào mất, thiếu vắng ở bàn chính thì người bàn dưới dù có tham dự ở giáp Hội văn cũng phải theo thứ tự đứng châu; và *lệ cũ bồi tế ở giáp Nhạc*: Nếu người nào dự ở Hội văn bản giáp, gặp lệ cỗ chính của bản giáp mà vào bồi bái cỗ của giáp khác thì không tính ở đây.

- Giáp đăng cai

Giáp đăng cai không phải là một loại giáp cố định mà là cách gọi các giáp luân phiên chịu trách nhiệm chính trong các tiết lễ, công việc chung của làng. Giáp đăng cai có thể là giáp Ngạc Nhất, giáp Ngạc Nhị, giáp Đông Nhất, giáp Đông Nhị... tùy theo lễ tiết mà phân công số lượng giáp đăng cai.

Trước hết, về số lượng các giáp đăng cai tùy thuộc vào quy định ở mỗi tiết lễ. Thường các tiết lễ có 1 giáp đăng cai, như lễ cầu phúc đầu Xuân, lễ Thượng điền, lễ tháng Chạp... Cũng có lễ tiết có 2 giáp đăng cai như: lễ ngày mồng 6, lễ rước Thần đến đình cũ, lễ nghênh rước đêm mồng 10...

Khi có từ 2 giáp đăng cai trở lên thì thấy xuất hiện giáp đăng cai chính và giáp đăng cai thứ. Ví dụ ở lệ rước Thần đến đình cũ có 2 giáp đăng cai thì giáp đăng cai chính chịu trách nhiệm lo hương đèn để rước và trông coi.

Chúng tôi thấy có sự xuất hiện xuyên suốt và thường trực vai trò của 8 giáp được gọi tên theo ngõ xóm kết hợp với số thứ tự với vai trò là giáp đăng cai luân phiên. Còn lại các tên gọi khác xuất hiện không thường xuyên trong các ngày lễ tiết, và các công việc của làng.

2.2. Cách thức tổ chức

Về quy định vào giáp. Bản *Khoán ước chủ ý cải lương* của làng có ghi rõ: “Con trai làng đến 18 tuổi phải vào hàng giáp nộp quỹ 0\$,20 thì ngày sau mới được khao vọng vị thứ, nếu ai không vào giáp thì khi nào nhà người ấy có việc hiếu hỉ, hàng giáp không biết và cũng không được truy lấy phe gốc của ông cha mình vào”²⁷. Rõ ràng đây không phải là quy định bắt buộc mà chỉ người nào sau này muốn khao vọng vị thứ, muốn mọi người hàng giáp chia sẻ việc hiếu hỉ với nhà mình thì mới phải vào hàng giáp! Vậy thì phạm đã là người ở trong làng nước, có ai lại không muốn được làng xã biết vị thứ của mình, có ai lại không muốn người làng xã quan tâm đến gia đình mình mỗi khi có việc hiếu hỉ?! Thế nên, dù không phải là quy định bắt buộc nhưng việc vào giáp cũng gần như là một điều đương nhiên đối với những người đã thành đinh của làng.

Bản khoán ước còn ghi thêm: “người mới đến xin vào làng gọi là phụ tịch (...) người ấy phải vào giáp”. Như vậy, làng chỉ bắt buộc vào giáp đối với người phụ tịch.

Tuy nhiên, việc tham gia vào giáp dường như là một vinh dự mà nhiều người muốn có được, chứ không hẳn là một trách nhiệm. Trong *Đông Ngạc xã chí* còn ghi về việc tu sửa đình làng năm Đinh Ty (1917), khi làng cần có thêm tiền quỹ chi cho việc sửa đình thì làng đã “cho 8 người được kết nạp vào phe giáp, mỗi người phải nộp công quỹ 30 đồng”²⁸. Trong khi đó, vào năm Duy Tân thứ 4 (1910) thì mỗi suất thuế sưu là 4,5 đồng, mỗi suất thuế thân là 0,4 đồng. Vậy mà, phải đóng 30 đồng mới được vào giáp thì ắt hẳn đây phải là một vinh dự lớn.

Về Giáp trưởng, bản *Đông Ngạc xã chí* có ghi: “Mỗi giáp có 4 Giáp trưởng, cộng lại 32 người. Giáp trưởng luân phiên giám sát việc thờ cúng và giúp lý dịch thực hiện thu thuế khoá. Người dự bị làm Giáp trưởng xưa là bậc trung niên ở 8 giáp đã lên

bàn Tam, bàn Nhị và đã theo lệ cúng cỗ chay đầy đủ, phải chờ đến khi trong giáp khuyết chức đó mới được bỏ sung”²⁹.

Theo quy định trên thì việc trở thành Giáp trưởng hẳn cũng là một vinh dự. Để được làm Giáp trưởng phải có độ tuổi từ trung niên trở lên, phải thực hiện đầy đủ các lệ cúng tế của làng quy định. Cần lưu ý là Giáp trưởng cũng có lúc được gọi là Thôn trưởng, như trong bản *Đông Ngạc xã điều lệ*, ở phần ký tên có ghi: “Thôn trưởng 8 giáp cùng ký”, nghĩa là ở đây, người đứng đầu 8 giáp là các vị Thôn trưởng. Ở Đông Ngạc có hai loại Thôn trưởng, Thôn trưởng vọng và Thôn trưởng sĩ bổ³⁰. Giáp trưởng - Thôn trưởng ở đây là Thôn trưởng sĩ bổ. Vậy trở thành Giáp trưởng, người ta được hưởng những quyền lợi gì?

Trước hết, trở thành Giáp trưởng là trở thành người có chức trong làng. Có chức nghĩa là có quyền hành nhất định, có địa vị trong xã hội. Thể hiện điều này rõ nhất là ở chốn đình trung. Trong vị trí ngôi ngoài đình khi làng có đám, hàng Thôn trưởng sĩ bổ ngồi ở hai hàng máng, trước trung nam 8 giáp. Trong lệ rước văn ngày mùng 10 của làng, Thôn trưởng sĩ bổ được: “đứng coi việc củ hặc (kiểm soát) việc tế lễ. Nếu người nào thất nghi trong các tuần tế mà người củ hặc đúng thì người thất nghi ấy phải vào lễ tạ Thần, nếu củ hặc không hợp lễ thì người củ hặc cùng vào lễ tạ Thần như người thất nghi vậy”³¹. Bản khoán ước của làng quy định, trong các lễ Trai bàn, Hạ điền, Đoan dương, Trung thu, Trần sái, Trùng thập, kỵ cụ Đường, cụ Đoan, cụ Đi sỏ, lễ soạn đình tất niên, khi lễ xong hàng Thôn trưởng ăn uống và không phải biếu xén ai cả. Làng cũng quy định trong *khoán ước*, hàng Thôn trưởng lệ 60 tuổi phải sang hàng lão, không phải nộp tiền, lễ Thần và đãi cũng theo như người mới vọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những quyền lợi ấy Giáp trưởng có rất nhiều nhiệm vụ phải làm. Nhiệm vụ quan trọng nhất của Giáp trưởng làng có quy định rõ là “luân phiên giám sát việc thờ cúng và giúp lý dịch thực hiện thu thuế khoán”.

Nhiệm vụ cũng không kém phần quan trọng của Giáp trưởng là việc đóng góp tiền của cho làng. Việc tu sửa năm Đinh Tỵ (1917) *Đông Ngạc xã chí* có ghi lại 12 người Giáp trưởng mỗi người nộp 20 đồng hoặc 30 đồng, cũng có người nộp 10 đồng hoặc 40 đồng.

Giáp trưởng - Thôn trưởng cũng có nhiệm vụ quan trọng trong việc tổ chức tang ma. *Khoán ước làng Đông Ngạc* có ghi, khi đưa đám ông bà triều quan và phụ thân triều quan thì tất cả các giáp phải đi đưa, trong đó “hàng Thôn trưởng phải hia mũ áo dài trắng đi hộ tống và chấp hiệu”; “những người khoa mục chức sắc, phẩm hàm, có chân ba hàng, những người tộc biểu đương thờ hay mãn khoá, những chức dịch đương thờ hay từ dịch, những bố mẹ vợ con các quan phủ, huyện trở lên bất hạnh từ trần thì (...) Thôn trưởng áo dài trắng chấp hiệu và được lấy tuần nhiều là 4 người không phải mang cờ hiệu, chỉ cầm roi đi hộ đám thôi”³².

Hàng trung nam của giáp cũng hay được nhắc tới trong quy định của làng về việc tổ chức các tiết lễ.

Điều lệ của làng quy định khi ăn uống ngoài đình: “Hễ nghe 3 hồi chiêng thì đem cỗ yến ra, chiếu thứ bậc mà ngồi, nghe 1 hồi bên tang trống với 4 tiếng trống thì trung nam đương trực vào mở lòng bàn. Trong 3 hàng, ngoài 8 giáp cũng như vậy. Lại

nghe 1 hồi tang trống với 4 tiếng trống, trung nam trực vào đốt hương trong ba hàng, trung nam ngoài 8 giáp cũng như vậy. Khi nghe 1 hồi tang trống với 4 tiếng trống, trung nam rót rượu trong 3 hàng, ngoài 8 giáp cũng như vậy”³³.

Trong lễ tế lễ ngày mùng 8, làng quy định nón lá³⁴ do những người trung niên của giáp Bát cọ rửa. Ngoài ra, trung nam của các giáp còn có trách nhiệm chỉnh biện cỗ, làm cỗ ở một số tiết lễ.

Như vậy, lực lượng trung nam của các giáp chủ yếu tham gia vào các công việc phục dịch như: mở lồng bàn cỗ, đốt hương, rót rượu, cọ rửa đồ thờ, làm cỗ...

Tham gia vào giáp còn có các vị quan viên. Trong việc sắp xếp vị trí ngồi ngoài đình, Quan viên chỉ ngồi sau Quan triều. Họ là những người có khoa mục, chức sắc và đã vọng Quan viên với làng. Là những người ngồi chiếu trên của làng, họ được trọng vọng và có tiếng nói quan trọng trong các công việc của làng.

Trong khoán ước cải lương của làng còn ghi lại việc đóng góp của các vị *Quan viên giáp*. Theo đó, danh sách các vị *Quan viên giáp* gồm: 1 vị Phó bảng, 1 vị Cử nhân Tri huyện, 5 vị Hương viên.

Thành phần khá quan trọng tham gia vào tổ chức giáp của làng Đông Ngạc là các bậc Hương lão. Ở Đông Ngạc, từ 60 tuổi trở lên thì được lên lão. Có 2 loại lão: lão thường và Hương lão. Những người lên lão mà chưa khao vọng là hạng lão thường. Những người được dân làng kính trọng và nhất là phải làm lễ khao vọng làng thì được gọi là Hương lão. Những người có chân trong hàng Hương lão được dân làng trọng vọng, có vai vế khi tham gia vào các công việc chôn đình trung. Trong 3 hàng ở đình, hàng Hương lão chỉ xếp sau hàng Quan viên.

Bia trùng tu đình năm 1782 và khoán ước cải lương năm 1937 của làng thấy có nhắc đến Hương lão giáp. Danh sách Hương lão giáp được ghi trong khoán ước gồm 7 vị ở những dòng họ khác nhau.

Tham gia vào giáp còn có những người thuộc Văn hội. Làng có quy định: “Theo lệ, giáp Văn hội ngồi ở hàng Hương lão”³⁵. Vào ngày lễ Tiên hiền ở Văn chỉ (ngày 23 tháng 2), giáp Văn hội chi tiền để làm lễ. Có thể thấy những người thuộc giáp Văn hội được làng trọng vọng, được ngồi vào hàng Hương lão (hàng Tam).

Như vậy có thể thấy, giáp ở Đông Ngạc là tổ chức được nhiều thành phần dân cư, thuộc nhiều lứa tuổi tham gia. Thành phần dân cư tham gia vào giáp gồm: chính tịch, phụ tịch, Quan viên, Hương lão, người thuộc Văn hội. Các lứa tuổi tham gia vào giáp theo quy định của làng là từ 18 tuổi trở lên. Tuy nhiên, ta thấy rõ vai trò quan trọng của lứa tuổi trung niên (trung nam) và Hương lão (từ 60 tuổi trở lên) trong giáp. Các thành phần dân cư, các lứa tuổi tham gia vào giáp được phân công vai trò và nhiệm vụ khác nhau trong các công việc của giáp.

3. Vai trò và chức năng

Trước hết là vai trò của giáp đối với làng. Từ những tư liệu mà chúng tôi hiện có được cho thấy, vai trò chính, chủ yếu nhất của giáp đối với làng là việc tham gia vào các tiết lễ.

Đông Ngạc là một làng giàu truyền thống nên có khá nhiều tiết lễ. Một năm ở đình làng có tới 19 tiết lễ, ngoài ra còn có các tiết lễ ở chùa, miếu... Và trong hầu hết các tiết lễ ấy đều có sự tham gia của giáp.

Giáp tham gia vào từ khâu chuẩn bị, tổ chức đến thực hiện các tiết lễ của làng. Dù là giáp Nhạc, giáp Đồ tể, giáp Tuần đình hay giáp đăng cai thì nhiệm vụ của các giáp cũng xoay quanh những việc như: mua sắm lễ vật, sửa soạn nơi hành lễ, cử hành lễ...

Có thể thấy rõ nhiệm vụ của giáp trong các tiết lễ của làng thông qua vai trò của từng loại giáp.

Trước hết là giáp đăng cai. Có thể thấy ngay nhiệm vụ nặng nề, trọng đại nhất của giáp đăng cai đối với làng chính là việc phải chi tiền, gạo để mua sắm các lễ vật và làm cỗ, đảm trách vai trò chính trong lễ tiết. Tất nhiên, với nhiệm vụ này làng đã phân chia cho giáp đăng cai ruộng để có nguồn thu.

Bản *Đông Ngạc xã tục lệ* còn ghi về 1 thửa ruộng của giáp đăng cai ở xứ Đội Hạ là 1 sào 3 thước, bên cạnh phần ruộng chia cho các giáp khác. Các ruộng này thuộc loại ruộng Hậu thần của làng. Với 1 sào 3 thước ruộng ấy, giáp đăng cai phải tham gia 29 lễ tiết trong tổng số 34 lễ tiết của làng mà chúng tôi thống kê được. Cỗ bàn trong phần lớn 29 lễ tiết ấy đều do giáp đăng cai chịu trách nhiệm sắm sửa. Lễ Thần đêm ngày 11, theo lệ cũ có cỗ lớn giáp đăng cai chính chịu trách nhiệm, 2 mâm cỗ bánh trôi, 26 bát gạo đầy và thêm 2 bát cỗ Hậu thần do giáp đăng cai chịu trách nhiệm; hay lễ Tống tộ, lệ khao 3 ngày là 1 con lợn, giáp đăng cai ứng ra, giáp đăng cai lần sau chịu trách nhiệm... Chúng tôi cho rằng, chính vì nhiệm vụ này mà có lễ tiết có 1 hay nhiều giáp tham gia đăng cai. Có lẽ với những lễ tiết mà cỗ bàn không tốn kém thì chỉ cần 1 hoặc 2 giáp đăng cai, nhưng những lễ tiết mà cỗ bàn linh đình, tốn kém thì để chia đều gánh nặng đóng góp này cho mỗi giáp cần phải có cả 8 giáp tham gia.

Trong bản khoán ước của làng lập năm 1937 chúng tôi có lưu ý tới sự thay đổi trong tục lệ đóng góp này của giáp đăng cai. Đó là trong các tiết lễ, thay vì giáp đăng cai phải đứng ra chi tiền thì làng lấy quỹ của làng, hoặc tiền từ những nguồn khác để ứng ra cho giáp đăng cai lo liệu cỗ bàn. Ví như trong lễ Thượng điền, lễ Thường tân, lễ Trùng cửu, làng quy định mỗi lễ lấy quỹ ra chi từ 10\$00 đến 1\$00 giao cho giáp cai nhận mua lợn, gạo, lễ vật; hay lệ tế Xuân, lấy tiền của 10 hàng cấp cho giáp đăng cai mua 2 con bò và các lễ vật cho đủ...

Trong các tiết lễ của làng, giáp đăng cai ngoài nhiệm vụ mua sắm còn có nhiệm vụ chỉnh biện, trông coi cỗ bàn. Đó là trong các tiết lễ: lễ cầu phúc đầu Xuân, lễ Thượng điền, lễ tháng Chạp, giỗ Thần ở miếu...

Ngoài ra, giáp đăng cai còn chịu trách nhiệm sửa soạn nơi hành lễ ở một số tiết lễ. Ví như trong lễ ngày mồng 6 theo lệ cũ thì phải sửa chữa nơi hành lễ, giáp đăng cai chịu trách nhiệm sửa chữa bàn thờ.

Ngoài vai trò làm giáp đăng cai trong các tiết lễ, các giáp không phải là giáp đăng cai cũng phải có trách nhiệm trong các tiết lễ đó, gánh vác 1 phần công việc với giáp đăng cai. Như lệ ngày mồng 2 Tết mở hội ca hát thì có lệ rước Thần và an vị xong

TÌM HIỂU TỒ CHỨC GIÁP CỦA LÀNG ĐÔNG NGẠC...

thì 3 hàng xã và 8 giáp chỉnh biện cờ, trống, áo, mũ dăng trầu cau ở từ đường, rước Thần vị ra miếu đặt ở nơi trang trọng và làm lễ an vị, 8 giáp tùy theo phiên trực mà soạn lễ, đến khi ca hát xong, hàng 3 xã và 8 giáp lại trở về từ đường để làm lễ an vị. Hay ở lễ ngày mồng 6: Theo lễ cũ thì phải sửa chữa nơi hành lễ. Chính ngự do 2 giáp đăng cai sửa chữa, Bình thiên do 6 giáp làm, Lưỡng lang (hai bên hành lang) do giáp Bát làm; bàn cờ do 2 giáp đăng cai làm, lá bông, măng trê thì Nhị bàn giáp Bát cùng mua. Các loại hoa quả cúng ở miếu thì 8 giáp lo. Còn như câu lan, đuốc, những tấm phên dày ở 2 bên chái do 2 giáp đăng cai chịu.

Giáp còn tham gia vào việc tế nhạc trong các tiết lễ của làng thông qua vai trò của giáp Nhạc. Giáp Nhạc được nhắc đến trong các tiết lễ với vai trò chính là làm lễ. *Đông Ngạc xã tục lệ* quy định: trong lễ rước xa giá Thần, giáp Nhạc làm lễ tạ dăng trầu cau, vái 10 vái, tâu xin rước xa giá về, khi xa giá vào đến trong miếu giáp Nhạc tâu xin an vị, giáp Nhạc làm lễ cáo xin được an vị, lễ an vị vái 10 vái; trong lệ mặc áo châu: hội giáp Nhạc mặc áo châu và đặt các đồ cúng tế, giáp Nhạc tiến hành làm lễ cáo, vái 10 vái...

Ngoài ra, nhiệm vụ của giáp Nhạc còn được nhắc đến trong việc sửa soạn đồ cúng lễ. *Đông Ngạc xã tục lệ* có ghi, lệ cầu an vào ngày 15 tháng 4 giáp Nhạc soạn coi trầu, 2 vị sư (là thầy cả) mỗi thầy 40 oản dăng đưa về giáp Nhạc, giáp đăng cai ứng ra 1 quan tiền cỗ đưa cho giáp Nhạc 6 mạch theo y lệ mua sắm 10 thứ lễ đủ dùng; trong lệ cúng giỗ ở chùa bàn Nhị của giáp Nhạc mổ thịt chia đều cho 8 giáp làm 2 mâm cỗ cấp, 2 mâm cỗ tổng tộ cùng xôi, rượu gánh đến tế lễ ở chùa lớn. Điều này cho thấy, giáp Nhạc còn có nhiệm vụ mổ thịt!

Trong *Lệ tang ma (Khoán ước của làng Đông Ngạc chủ ý cải lương)* còn quy định, giáp Nhạc cùng Phó Lý trưởng của làng chịu trách nhiệm cắt cử người tham gia rước sách trong đám.

Làng còn có hẳn 1 giáp chuyên lo việc giết mổ: giáp Đồ tế. Quy định của làng có nhắc đến giáp Đồ tế ở nhiều tiết lễ. Ví dụ trong lễ giỗ quan Hậu thân, giáp Đồ tế làm 1 mâm cỗ cúng quan Hậu thân; hay trong lệ Thường tân, giáp Đồ tế làm 3 mâm cỗ cúng quan Hậu thân.

Giáp Đồ tế còn có trách nhiệm mua cơm, rượu, dầu, đèn, đuốc, nến đều cho thay bằng mỡ là 3 mạch tiền cỗ trong lệ tế Xuân của làng.

Trong lệ cầu an, giáp Đồ tế được nhắc đến với vai trò gánh cỗ: “Đến giờ Ngọ, bậc trung niên gánh ra đình (giáp Đồ tế chịu trách nhiệm)”.

Tham gia vào việc làng, giáp còn có trách nhiệm tuần đình. Vì vậy mà thấy xuất hiện giáp Tuần đình trong lễ tế Thần. Chỉ thấy có 1 lần giáp Tuần đình được nhắc đến, đó là: “Theo lệ cũ việc tuần tiết ở đình cứ mỗi đêm tế Thần thì 2 giáp tuần phải áo mũ chỉnh tề, cầm gậy châu ở hai bên trước đình và cầm chùy, cầm gậy châu trước cửa trong Tam quan, chớ để cho trẻ con ở xung quanh ra vào xem làm huyền não. Nếu giáp nào vắng mặt hoặc chậm trễ thì bắt phạt mỗi giáp 3 mạch tiền cỗ (giống như loại giáp Ngạc Nhất trực mùa màng đi tuần 2 lần)”³⁶.

Như vậy có thể thấy, giáp xuất hiện trong hầu hết các tiết lễ của làng và đảm trách hầu hết các công việc trong các tiết lễ ấy. Nhiều giáp lâm thời đã xuất hiện nhằm để phụ trách những phần việc cụ thể. Giáp đăng cai chịu trách nhiệm chính trong việc sửa soạn lễ, giáp Nhạc lo việc tế nhạc, giáp Đồ tế lo việc giết mổ, giáp Tuần đình trông nom đình...

Một nhiệm vụ của giáp cũng khá quan trọng là việc đóng góp tiền của cho việc tổ chức các tiết lễ, các công việc của làng. Công việc đóng góp này chủ yếu là do 8 giáp theo tên gọi ngõ xóm đảm trách. Việc các giáp đóng góp trong các lần trùng tu đình, trùng tu nhà thờ họ còn được ghi lại. *Trùng tu Thần từ bi ký* (năm 1782) của đình làng Đông Ngạc còn ghi rõ việc đóng góp của các giáp như: Hương lão giáp góp 5 quan, Nhạc giáp 10 quan, Văn hội giáp 30 quan...

Còn thấy làng quy định về nhiệm vụ của các ông Giáp trưởng là thu thuế.

Có thể nói, những nhiệm vụ mà giáp, cụ thể là những trai đình trong giáp phải làm với làng khá nặng nề. Nhiệm vụ đó không chỉ về mặt vật chất mà còn là về mặt tinh thần. Vậy, để bù lại những trách nhiệm phải gánh đó, những người tham gia vào giáp họ được những gì?

Trong chừng mực nào đấy, có thể hiểu trách nhiệm của giáp đối với từng thành viên là một trong những quyền lợi đối với những người tham gia giáp. Giáp tham gia vào việc hiếu hỉ của mỗi thành viên, tham gia vào các cuộc khao vọng vị thứ của mỗi thành viên... Nói cách khác, giáp có mặt mọi nơi trong không gian sống và mọi lúc trong vòng đời của người dân làng Đông Ngạc với vai trò “phù sinh, tổng tử”.

Quy định của làng còn ghi rõ trách nhiệm của hàng giáp đối với việc tang ma của thành viên: “Đến ngày an táng, chủ ở giáp nào mời giáp ấy đi hộ tống và tất cả người trong giáp ấy nên đi đưa để tỏ tình thân ái. Dù người trong giáp hay người làng cũng vậy, khi an táng xong nên chào ngay tang chủ ở ngoài đồng mà tang chủ cũng nên tạ hàng giáp và người đi đưa ở ngay mộ cho tiện, không nên mời về nhà ăn uống. Tang lệ dân chia làm 3 hạng: 1. Thượng lệ (...), 2. Trung lệ (...), 3. Hạ lệ (...). Số tiền ấy nộp vào quỹ một phần ba, còn hai phần ba đưa về hàng giáp để chia cho các người trợ việc. Chỉ trừ ông bà Triều quan và Triều quan phụ mẫu là tất cả 8 giáp phải đi hộ tống thôi. Khi đưa đám có lễ bái quan, hàng quan viên, hương lão phải mặc áo dài thâm đi đưa, hàng Thôn trưởng phải hia, mũ, áo dài trắng đi hộ tống và chấp hiệu. Những người khoa mục chức sắc, phẩm hàm, có chân ba hàng, những người tộc biểu đương thử hay mãn khoá, những chức dịch đương thử hay từ dịch, những bố mẹ vợ con các quan phủ, huyện giở lên bất hạnh từ trần thì hàng Nhạc giáp nào đi hộ tống người chấp hiệu phải mặc áo dài trắng chấp hiệu và tất cả tuần phiên phải mang cờ hiệu đi hộ tống”³⁷.

Lệ làng chỉ thấy ghi: “nếu ai không vào giáp thì khi nào nhà người ấy có việc hiếu hỉ, hàng giáp không biết”³⁸. Chỉ là vốn vẹn như vậy nhưng nó chứa đựng bên trong biết bao nhiêu là “cái được” của những người trong giáp.

4. Một vài nhận xét

Qua trường hợp cụ thể là làng Đông Ngạc, chúng tôi xin được đưa ra những nhận xét ban đầu có tính chất tạm thời về tổ chức giáp của làng Đông Ngạc. Những kết luận này có thể thay đổi khi những tài liệu khác được khai thác cung cấp thêm những thông tin khác; hoặc cũng có thể được làm sáng rõ thêm.

Thứ nhất, về số lượng giáp ở Đông Ngạc. Từ lâu, nhiều ý kiến vẫn cho rằng Đông Ngạc có 8 giáp. Thực chất phải nhìn nhận vấn đề số lượng giáp này thấu đáo hơn. Qua tìm hiểu, chúng tôi có thể có những kiến giải ban đầu như sau. Ở Đông Ngạc có 2 loại giáp, 1 loại giáp tồn tại thường trực và một loại giáp tồn tại không thường trực.

Giáp tồn tại thường trực có thể hiểu là loại giáp luôn có mặt trong các công việc của làng cũng như trong đời sống thường nhật của người dân. Đó là 8 giáp với tên gọi ngõ xóm. 8 giáp này không chỉ có vai trò quan trọng trong các công việc của làng như: tiết lễ, tu sửa đình miếu... mà còn tổ chức tập hợp dân đình trong mỗi kỳ thu thuế của làng,

Loại giáp tồn tại không thường trực là các giáp không phải lúc nào cũng xuất hiện trong các quy định của làng. Đây phần lớn là các giáp chức năng như: giáp Nhạc, giáp Đồ tế thường có mặt trong các tiết lễ của làng. Khi làng không có tiết lễ, các giáp này có thể được giải tán.

Thứ hai, việc vào giáp ở Đông Ngạc không bắt buộc đối với dân đình chính cư nhưng lại bắt buộc đối với dân đình ngụ cư và lứa tuổi bắt đầu được vào giáp là 18 tuổi.

Thứ ba, qua sự phong phú của các loại hình giáp ở Đông Ngạc có thể thấy tính chất mở và linh hoạt của tổ chức giáp. Giáp không chỉ đơn thuần là tổ chức của các đình nam, nói đúng hơn, giáp là tổ chức của các nhóm đình nam có chung một hoặc một vài đặc điểm, có thể là chung ngõ xóm: giáp Ngạc Nhất, Ngạc Nhị..., chung nhiệm vụ: giáp Nhạc, Đồ tế... Và một người rất có thể tham gia vào hơn 1 giáp.

Thứ tư, về thời điểm xuất hiện, qua bài thơ *Đại nghĩa bát giáp thưởng đào giải văn* của Lê Đức Mao có thể khẳng định, từ đầu thế kỷ XVI, giáp ở Đông Ngạc đã là một tổ chức xã hội khá chặt chẽ.

Thứ năm, nhiệm vụ chính của giáp đối với làng xã chủ yếu là trong các tiết lễ của làng. Bên cạnh đó, giáp còn có ảnh hưởng sâu sắc đến những thành viên: vai trò "phù sinh, tổng tử" trong cả vòng đời, ở mỗi giai đoạn: sinh, lão, bệnh, tử của cuộc đời và trong mỗi quan hệ: quan, hôn, tang, tế của các thành viên đó với xã hội.

Giáp dù là một tổ chức ẩn tàng trong làng xã nhưng nó có mặt trong hầu hết các góc ngách của cuộc sống thôn làng, theo cả chiều dài của thời gian lẫn chiều rộng của không gian sống!

CHÚ THÍCH

¹ Trần Từ, *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, NXB KHXH, HN, 1984

- ² Trần Từ, *Cơ cấu tổ chức...*, sđd, tr.48.
- ³ Diệp Đình Hoa, *Giáp-tổ chức xã hội của giới nam của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*”, NCLS, số 4/1998, tr. 51.
- ⁴ Bùi Thiết, *Góp một vài nhận xét về tổ chức giáp ở nông thôn người Việt*, Tạp chí Dân tộc học, số 2/1986.
- ⁵ Bùi Xuân Đình, *Tư liệu về tổ chức giáp của làng Giá-Yên Sở trước cách mạng tháng Tám*, Thông báo Dân tộc học năm 2005
- ⁶ Nguyễn Duy Hình, *Kinh tế xã hội trước Lý*, NCLS, số 5/1995.
- ⁷ Nguyễn Hải Kế, *Một làng Việt cổ truyền ở Đồng bằng Bắc bộ: Tìm hiểu cấu trúc kinh tế - xã hội*, NXB KHXH, HN, 1996.
- ⁸ Nguyễn Xuân Diệm, *Những phát hiện mới về Lê Đức Mao và bài “Đại nghị bát giáp thường đào giải văn”*, Thông báo Hán Nôm, 1998.
- ⁹ Vũ Duy Mên (cb), *Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam-Luật làng Kanto Nhật Bản (thế kỷ XVII-XIX)*, Viện Sử học, HN, 2001.
- ¹⁰ Dẫn theo Vũ Duy Mên (cb), *Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam-Luật làng Kanto Nhật Bản (thế kỷ XVII-XIX)*, Viện Sử học, HN, 2001, tr.121.
- ¹¹ *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*, (TB5,15), tập 2, NXB Văn Sử Địa, HN, 1957, tr. 41.
- ¹² Diệp Đình Hoa, *Giáp-Tổ chức xã hội giới nam của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, NCLS, số 4/1998, tr. 46.
- ¹³ Nguyễn Duy Hình, *Kinh tế xã hội trước Lý*, NCLS, số 5/1995.
- ¹⁴ Diệp Đình Hoa, *Giáp-Tổ chức xã hội...*, sđd.
- ¹⁵ *Đại nam thực lục*, sđd, tr. 778.
- ¹⁶ *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 778.
- ¹⁷ *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 843.
- ¹⁸ *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra (Các tổng trấn xã danh bị lăm)*, Dương Thị The – Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, NXB KHXH, HN, 1981.
- ¹⁹ Xem thêm Nguyễn Xuân Diệm, *Những phát hiện mới về Lê Đức Mao và bài “Đại nghị bát giáp thường đào giải văn”*, Thông báo Hán Nôm, 1998.
- ²⁰ Xã Đông Ngạc nay gồm 3 làng: Đông Ngạc, Liên Ngạc và Nhật Tảo
- ²¹ Chu Thị Hiền, Phụ lục, trong *Tình hình gia phả ở làng Đông Ngạc (Từ Liêm - Hà Nội)*, Khoa luận tốt nghiệp, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, niên khoá 1998 - 2002, tr. 82-91.
- ²² Kí hiệu trong kho thư viện Hán Nôm: A.1855
- ²³ Xã Nhật Tảo thuộc tổng Phú Gia, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông nay là làng Nhật Tảo thuộc xã Đông Ngạc. Kí hiệu trong kho thư viện Hán Nôm của bản thân tích là: AEa2/67
- ²⁴ Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 3, NXB Giáo dục, HN, 1998, tr 103.
- ²⁵ Nguyễn Xuân Diệm, *Những phát hiện mới về Lê Đức Mao và bài “Đại nghị bát giáp thường đào giải văn”*, Thông báo Hán Nôm, 1998.
- ²⁶ *Khoán ước làng Đông Ngạc* , sđd, tr 371-372.
- ²⁷ *Khoán ước làng Đông Ngạc* , sđd, tr 391.
- ²⁸ *Đông Ngạc xã chí* ,sđd, tr 372.
- ²⁹ *Đông Ngạc xã chí* ,sđd, tr 333.
- ³⁰ Thôn trưởng vọng là những ngược được làm Thôn trưởng thông qua việc khao vọng làng. Bản *khoán ước* của làng có ghi: “*người nào vọng vào hàng Thôn trưởng là trừ ra khi nào làng có việc công tiêu nhiều mà dân đã xin quan trên cho phép bán vị thứ mới được phải nộp quỹ 10\$,00*”. Đối với người phụ tịch cũng quy định như trên, số tiền phải nộp cao hơn. Thôn trưởng sĩ bổ là Thôn trưởng được hàng giáp bầu khi đã có đủ điều kiện theo như làng quy định.
- ³¹ *Đông Ngạc xã điều lệ*, sđd, tr 74.
- ³² *Khoán ước làng Đông Ngạc*, sđd, tr 382.
- ³³ *Đông Ngạc xã điều lệ*, sđd, tr 84.
- ³⁴ Đồ tế tự trong đình.
- ³⁵ *Đông Ngạc xã điều lệ*, sđd, tr 81.
- ³⁶ *Đông Ngạc xã điều lệ*, sđd, tr81.
- ³⁷ *Khoán ước làng Đông Ngạc*, sđd, tr 381.
- ³⁸ *Khoán ước làng Đông Ngạc*, sđd, tr 391.